

không tham gia Hiệp định EAPT và EAGT) thu bằng ngoại tệ.

3. Chiết khấu lưu thông vật tư hàng hóa toàn ngành.

## II. DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC QUYẾT ĐỊNH GIÁ:

1. Giá thuê máy bay chuyên cơ, chuyên nghiệp, phục vụ bay thám sát bão.

2. Giá nhượng bán xăng dầu cho máy bay của Liên xô.

3. Hướng dẫn Tổng cục Hàng không dân dụng cụ thể hóa mức cước vận chuyển hành khách hàng hóa, bưu kiện và hành lý trên các tuyến bay trong ngoài nước (có phân biệt công dân các nước tham gia hiệp định EAPT và EAGT với công dân các nước khác).

4. Hướng dẫn Tổng cục Hàng không dân dụng cụ thể hóa mức chiết khấu lưu thông vật tư, hàng hóa trong ngành.

## III. DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO TỔNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG QUYẾT ĐỊNH GIÁ:

1. Cụ thể hóa mức cước vận chuyển hành khách, hàng hóa, bưu kiện và hành lý trên các tuyến bay trong nước (có phân biệt công dân các nước tham gia hiệp định EAPT và EAGT với công dân các nước khác).

Đối với các đường bay ngoài nước Tổng cục hàng không được cụ thể hóa giá cước vận chuyển hành khách, hàng hóa, bưu kiện và hành lý theo các hiệp định EAGT, EAPT và IATA của hàng không quốc tế.

2. Giá phục vụ hạ cất cánh kỹ thuật thương mại máy bay quốc tế.

3. Giá chỉ huy máy bay quốc tế bay qua bầu trời.

4. Giá cước vận chuyển bằng ô tô phục vụ hành khách đi máy bay.

5. Giá nhượng bán xăng dầu cho máy bay quốc tế (ngoài Liên xô).

6. Giá lưu kho lưu bãi.

7. Giá các loại dịch vụ khác phục vụ trong ngành.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh nếu phát sinh sản phẩm mới hoặc cần thay đổi quyền quyết định giá, liên bộ sẽ tiếp tục bổ sung.

Q. Chủ nhiệm	Tổng cục trưởng
Ủy ban Vật giá	Tổng cục Hàng không
Nhà nước	dân dụng Việt Nam
<b>PHAN VĂN TIỆM</b>	<b>TRẦN MẠNH</b>

**ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC —  
BỘ Y TẾ**

**THÔNG TƯ** liên bộ Ủy ban Vật giá Nhà nước — Bộ Y tế số 11 VGNN-YT-TT ngày 18-3-1985 quy định danh mục sản phẩm do Ủy ban Vật giá Nhà nước được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền quyết định giá và Bộ Y tế quyết định giá.

Căn cứ nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ quản lý giá, nay liên bộ quy định danh mục sản phẩm do Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Y tế quy định giá như sau:

09663783

Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

## I. DANH MỤC HÓA DƯỢC, KHÁNG SINH DO ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC QUYẾT ĐỊNH GIÁ

(Giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư).

- |                        |                        |
|------------------------|------------------------|
| 1. Adrenalin           | 12. Isoniazit          |
| 2. Aminazin            | 13. Methionin          |
| 3. Ampixilin           | 14. Novocain           |
| 4. Aspirin nhôm        | 15. Penixilin V        |
| 5. Atropin sunfat      | 16. Phenaxetin         |
| 6. Cafein              | 17. Phenobacbitan      |
| 7. Campho tổng hợp     | 18. Piperazin adipat   |
| 8. Cloromyxetin        | 19. Theophylin         |
| 9. Codein photphat     | 20. Vitamin B6         |
| 10. Ephedrin clohydrat | 21. Vitamin B12        |
| 11. Erytromyxin        | 22. Vitamin K các loại |

## II. DANH MỤC SẢN PHẨM DO BỘ Y TẾ QUYẾT ĐỊNH GIÁ

### 1. Giá thu mua

a) Bộ Y tế quyết định giá thu mua theo hợp đồng kinh tế 2 chiều các loại dược liệu sau :

- |                 |                          |
|-----------------|--------------------------|
| 1. Ba kích      | 12. Sa nhân              |
| 2. Bạch chỉ     | 13. Sinh địa và thực địa |
| 3. Bạch truật   | 14. Tác kè               |
| 4. Cao actisô   | 15. Thiên niên kiện      |
| 5. Cao ích mẫu  | 16. Tinh dầu bạc hà      |
| 6. Cao hy thiêm | 17. Tinh dầu hương nhu   |
| 7. Hoài sơn     | 18. Tinh dầu trầm        |
| 8. Huyền sâm    | 19. Vàng đắng            |
| 9. Mã tiền      | 20. Vân mộc hương        |
| 10. Ngưu tất    | 21. Xuyên khung          |
| 11. Quy di thực | 22. Ý dĩ.                |

b) Hướng dẫn khung giá thu mua thỏa thuận đối với các loại dược liệu mà Bộ Y tế đã quyết định giá thu mua theo hợp đồng kinh tế 2 chiều.

2. Giá bán buôn (giá bán\* buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư).

a) Bộ Y tế quyết định giá các loại máy móc, thiết bị chuyên dùng của ngành y tế (trừ thiết bị toàn bộ do Hội đồng Bộ trưởng quyết định giá) do các xí nghiệp trực thuộc Bộ sản xuất, tiêu dùng trong nội bộ ngành.

b) Giá các loại hóa dược, kháng sinh, dược liệu ngoài những loại do Ủy ban Vật giá Nhà nước quyết định giá.

### — Hóa dược

1. Aminopyrin
2. Anangin
3. Axit benzoic
4. Becberin
5. Bột bó
6. Cao opi
7. Dexamethazon
8. Hydrocortizon
9. Lanolin
10. Natri camphosunfpnat
11. Natri clorua
12. Natri hydrocacbonnat
13. Paraxatamon
14. Phytin
15. Sáp ong
16. Strycnin sunfat
17. Tecpin
18. Tricanxi photphat
19. Vitamin B2
20. Vitamin PP
21. Các loại hóa dược khác

### — Dược liệu:

1. Ba kích
2. Bạch chỉ
3. Bạch truật
4. Cam thảo

5. Cát cánh
6. Đẳng sâm
7. Địa liền
8. Hòe hoa
9. Mộc hương di thực
10. Quy di thực
11. Sa nhân
12. Sinh địa
13. Thục địa
14. Tinh dầu bạc hà
15. Tinh dầu hương nhu
16. Tinh dầu trầm
17. Xuyên khung
18. Các loại dược liệu khác

c) Giá sửa chữa các loại máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành.

### 3. Giá gia công, giá thu mua.

Bộ Y tế quyết định giá những sản phẩm mà Bộ Y tế có giao vật tư chủ yếu cho các Bộ và tỉnh gia công. Trước khi quyết định giá, Bộ Y tế trao đổi thống nhất với Bộ và tỉnh nhận gia công.

### 4. Giá bán lẻ, dịch vụ.

a) Bộ Y tế quyết định giá bán lẻ tân dược, đông dược ngoài danh mục mặt hàng của Hội đồng Bộ trưởng, gồm các loại:

- Nhập khẩu
- Viện trợ
- Sản xuất trong nước.

+ Do các xí nghiệp dược phẩm trung ương sản xuất

+ Do các xí nghiệp dược phẩm địa phương sản xuất theo kế hoạch của Bộ Y tế và được tiêu thụ trong cả nước hoặc ở từng khu vực lớn.

b) Giá các loại y cụ và dụng cụ chuyên dùng của ngành y tế.

5. Bộ Y tế sẽ căn cứ vào chiết khấu lưu thông vật tư, thương nghiệp toàn ngành

của Hội đồng Bộ trưởng hoặc của Ủy ban Vật giá Nhà nước được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền quyết định, để quyết định chiết khấu lưu thông vật tư thương nghiệp cho các sản phẩm cụ thể trong ngành.

6. Bộ y tế căn cứ vào hướng dẫn của Ủy ban vật giá Nhà nước và các Bộ có liên quan về chính sách, nguyên tắc xác định giá và giá chuẩn hoặc khung giá (nếu có) để quyết định giá thuốc, dịch vụ y tế phục vụ người nước ngoài.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh nếu phát sinh sản phẩm mới hoặc cần thay đổi quyền quyết định giá, liên Bộ sẽ tiếp tục bổ sung.

K.T chủ nhiệm  
Ủy ban Vật giá  
Nhà nước

Phó chủ nhiệm  
TRẦN XUÂN GIÀ

K.T Bộ trưởng bộ Y tế  
  
Thủ trưởng  
D.S NGUYỄN  
DUY CƯƠNG

### ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC— BỘ VĂN HÓA

**THÔNG TƯ liên bộ Ủy ban Vật giá  
Nhà nước — Bộ Văn hóa số 515-  
VGNN-VH-TT ngày 19-3-1985  
quy định danh mục sản phẩm  
và dịch vụ do Bộ văn hóa quyết  
định giá.**

Căn cứ nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ quản lý giá; nay liên bộ quy định danh mục sản phẩm và dịch vụ do Bộ Văn hóa quyết định giá như sau :

#### 1. Giá gia công thu mua:

— Quyết định giá gia công các loại văn hóa phẩm: tranh, ảnh, tượng, phù điêu,

09663783

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com